

KYOTO, NARA:

Vài kinh nghiệm cho Huế trong việc bảo tồn và phát triển cố đô

HỒ SĨ QUÝ^(*)

Với những vùng đất có bề dày văn hoá - lịch sử nổi tiếng, việc giải quyết mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển - *bảo tồn trong phát triển, bảo tồn sao cho không “đánh đổ” sự phát triển, hay bảo tồn trở thành một nhiệm vụ có lợi cho sự phát triển...* luôn luôn là bài toán khó. Ngày nay, quan niệm bảo tồn đồng nghĩa với *không phát triển, không cần phát triển, mâu thuẫn với phát triển, hoặc hạn chế phát triển...* vẫn được không ít người tán thành, nhất là một số quan chức UNESCO. Tuy nhiên ngày càng nhiều quan điểm mềm dẻo hơn và thực tế hơn, thừa nhận *bảo tồn vẫn có thể sinh lợi*, nghĩa là bảo tồn không nhất thiết mâu thuẫn với phát triển; bảo tồn là một hình thức đặc thù của phát triển, giúp cho phát triển hợp lý hơn, hay hơn, có ý nghĩa hơn..., nếu sự quản lý vĩ mô đạt tới trình độ sáng suốt, biết điều chỉnh liều lượng giữa phát triển và bảo tồn - nắm chắc cái gì cần bảo tồn nguyên trạng, cái gì chỉ cần bảo tồn những nét chính, những “hồn cốt” đặc thù, còn cái gì thì có thể thay thế, bảo tồn trong bảo tàng, hoặc buộc phải loại bỏ...

Dẫu hợp lý đến mấy, điều vừa nói vẫn mới chỉ hợp lý về mặt lý thuyết.

Nghĩa là, hiểu được như vậy nhưng chưa chắc đã làm được như vậy. Thậm chí, cố gắng làm như vậy, nhưng kết quả có thể lại thành một thứ khác. Huế là một thực thể văn hóa tổng hợp. Cư xử với một thực thể văn hoá thường vô cùng khó khăn. Rất nhiều bài học về sửa chữa, tu bổ, tôn tạo... các di sản văn hóa mà cuối cùng lại thành phần văn hóa hoặc vô văn hóa, đôi khi ngay cả với những kế hoạch mà không ai có thể nghi ngờ về mức độ tâm huyết, chân thành. *Tâm huyết với Huế, chân thành với văn hóa Huế vẫn có thể làm hỏng văn hóa Huế.*

Kyoto và Nara đối với Nhật Bản cũng tương tự như Thừa Thiên Huế và Huế đối với Việt Nam. Việc bảo tồn và phát triển ở Kyoto và Nara được nhiều học giả và các tổ chức văn hóa thế giới coi là tương đối hợp lý. Trải qua hàng nghìn năm, Nara vẫn là cố đô cổ kính, Kyoto vẫn là thành phố của một Nhật Bản xưa, nhưng lại vẫn là thành phố hiện đại, thực sự hiện đại chứ không phải hiện đại một cách chấp vá. Khảo sát thực tế Kyoto và Nara, chúng tôi

(*) GS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội.
Hosiquy@fpt.vn.

thấy việc bảo tồn và phát triển ở cố đô này không phải là không học tập được.

Sau đây là mấy bài học về việc bảo tồn và phát triển ở Kyoto, Nara.

1. Chú trọng lịch sử, đặc điểm truyền thống, coi văn hóa cố đô là một nguồn lực sinh lợi, nhưng không quá chú trọng sinh lợi trực tiếp

- *Kyoto là một trong những thành phố được bảo tồn tốt nhất của Nhật Bản.*

- *Khu vực kinh doanh và đô thị chính nằm ở phía Nam của cố đô. Ở khu vực phía Bắc Kyoto không bố trí đông dân, chú ý giữ tỷ lệ cao về công viên, cây xanh. Các khu vực lân cận phía Bắc không quy hoạch như trung tâm thành phố.*

- *Du lịch là ngành chính của kinh tế Kyoto.*

- *Bảo tồn và duy trì lễ hội truyền thống, nhưng phải có lựa chọn. Không tổ chức lễ hội tràn lan. Chú trọng tính văn hóa, văn minh của lễ hội. Không quá chú trọng lợi ích kinh tế trong lễ hội, đặc biệt không thương mại hóa lễ hội.*

- *Với một cố đô, cần chú ý đến những sự kiện có tầm vóc quốc tế như sự kiện Hội nghị quốc tế về môi trường năm 1997. Chỉ cần nói đến Nghị định thư Kyoto, thế giới đã biết Kyoto có vị thế như thế nào.*

Kyoto (tiếng Nhật: 京都市 - Hán-Việt: Kinh Đô thị) nằm ở phía Tây đảo Honshu, hiện là thủ phủ của tỉnh Kyoto và cũng là khu vực rất quan trọng trong trung tâm chính trị văn hóa Osaka - Kobe - Kyoto. Bốn bên là núi, Kyoto nổi tiếng với những đêm mùa hè oi ả nóng, nhưng cũng được biết đến nhiều với vẻ đẹp thanh bình của một cố đô, là một phần chính của vùng đô thị Kansai.

Kyoto được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1994 (Kỳ họp thứ 18) (xem thêm: 1).

Kyoto có diện tích 827,90 km², dân số (tính đến tháng 4/2008): 1.465.917.

Thế kỷ VIII, để tránh ảnh hưởng của giới tăng lữ Phật giáo xen vào quốc sự, Nhật Hoàng đã chọn dời đô đến khu vực Kyoto ngày nay để tạo khoảng cách với các trung tâm Phật giáo đương thời. Thành phố lúc đó mang tên Heiankyo (平安京, Bình An Kinh), trở thành kinh đô Nhật Bản năm 794. Sau đó, thành phố được đổi tên thành Kyoto (Kinh Đô) giữ địa vị là kinh đô của Nhật Bản cho đến thế kỷ XIX khi triều đình dời về Edo (*Giang Hộ*) năm 1868 vào triều Minh Trị duy tân. Khi Edo được đổi tên thành Tokyo (*Đông Kinh*) thì Kyoto được gọi là Saikyo (西京- *Saikyo*; Tây Kinh).

Trong Chiến tranh thế giới II, Hoa Kỳ đã định ném bom nguyên tử xuống Kyoto, nhưng cuối cùng Washington đã chọn Hiroshima và Nagasaki thay Kyoto vì không nổ phá hủy một thành phố cố đô nổi tiếng. Trong việc này, có công của nhà bác học Pháp, Serge Elisseev, đã can thiệp để Mỹ không ném bom 2 cố đô Nara và Kyoto. Kyoto là thành phố lớn duy nhất của Nhật Bản vẫn còn các tòa nhà thời trước Chiến tranh thế giới II như tòa thị chính truyền thống *machiya*. Tuy nhiên, sự hiện đại hóa đang dần phá vỡ Kyoto truyền thống, như Nhà ga Kyoto. Từ ngày 1/9/1956, Kyoto trở thành thành phố theo sắc lệnh Chính phủ Nhật Bản. Năm 1997, Kyoto là nơi đăng cai tổ chức hội nghị và đã đưa ra Nghị định thư Kyoto về hiệu ứng nhà kính.

Với một cố đô, cần chú ý đến những sự kiện có tầm vóc quốc tế như sự kiện này. Chỉ cần nói đến Nghị định thư Kyoto, thế giới đã biết Kyoto có vị thế như thế nào.

Ngày nay, khu vực kinh doanh và đô thị chính nằm ở phía Nam của cố đô. Ở khu vực phía Bắc thành phố vẫn ít dân hơn và vẫn còn giữ được nhiều cây xanh. Các khu vực xung quanh không tuân theo kiểu bố trí như trung tâm thành phố.

Mặc dù bị tàn phá bởi chiến tranh, hỏa hoạn và động đất trong suốt 11 thế kỷ là thủ đô, nhưng Kyoto vẫn không bị tàn phá bởi Chiến tranh thế giới II. Với 2000 ngôi đền đạo Phật và đền Thần đạo, cũng như các cung điện, vườn thượng uyển và các công trình kiến trúc còn nguyên vẹn, Kyoto là một trong những thành phố được bảo tồn tốt nhất của Nhật Bản. Trong số các ngôi đền nổi tiếng của Kyoto phải kể đến Kiyomizudera, một ngôi đền bằng gỗ nằm trên loạt móng cọc gỗ cắm trên sườn núi dốc; Kinkaku-ji, ngôi đền được dát vàng; Ginkaku-ji, ngôi đền được dát bạc; Ryoan-ji, nổi tiếng về khu vườn đá. Đền Heian Jingu là một đền Shinto đánh dấu thời kỳ hoàng gia (xây dựng năm 1895) và kỷ niệm vị Hoàng đế đầu tiên và cuối cùng đóng đô tại Kyoto. Có 3 địa điểm đặc biệt liên quan đến Hoàng gia ở Kyoto, đó là Cung điện Hoàng gia Kyoto, nơi ở của các vị Thiên hoàng Nhật trong nhiều thế kỷ; biệt thự Hoàng gia Katsura, một trong những công trình kiến trúc cầu kỳ nhất nước Nhật; và biệt thự Hoàng gia Shugaku-in, một trong những khu vườn Nhật đẹp nhất.

Các địa điểm đáng chú ý khác ở quanh Kyoto gồm có núi Arashiyama và khu hồ đẹp, khu Gion và Pontocho nơi hoạt động của các Geisha, đường đi dạo của các triết gia, và các kênh đào chạy dọc theo các con phố cổ.

Các công trình lịch sử của cố đô Kyoto được UNESCO liệt kê trong danh sách các Di sản Thế giới. Chúng gồm các

ngôi đền Kamo (Kami và Shimo), Kyo-o-Gokokuji (To-ji), Kiyomizu-dera, Daigo-ji, Ninna-ji, Saiho-ji (Kokedera), Tenryu-ji, Rokuon-ji (Kinkaku-ji), Jisho-ji (Ginkaku-ji), Ryoan-ji, Hongan-ji, Kozan-ji và lâu đài Nijo, chủ yếu được xây dựng bởi các tướng quan thời. Các công trình khác nằm bên ngoài thành phố cũng được liệt kê trong danh sách.

Đầu tiên là lễ hội Aoi Matsuri được tổ chức vào ngày 15/5, còn gọi là lễ hội Kamo. Đây là một trong 3 lễ hội lớn nhất Kyoto. Hai tháng sau (ngày 14/7 đến 17/7) là lễ hội Gion Matsuri, lễ hội lớn nhất ở Kyoto. Kyoto kỷ niệm lễ hội Bon với Gozan Okuribi, lửa được thắp sáng trên núi để dẫn đường cho các linh hồn tìm đường về nhà (ngày 16/8). Lễ hội ngày 22/10 Jidai Matsuri là lễ hội kỷ niệm quá khứ vinh quang của Kyoto với các cuộc diễu binh của khoảng 2000 người trong các trang phục từ thời kỳ Heian cho đến thời kỳ Minh Trị.

Kyoto cũng nổi tiếng về các món ăn truyền thống và cách nấu nướng phong phú. Các nghi lễ đặc biệt của Kyoto như một thành phố xa biển và là nơi có nhiều đền thờ Phật tạo ra sự phát triển của các loại rau quả khác nhau rất đặc biệt của vùng Kyoto (京野菜 - *kyoyasai*).

Ngành du lịch là nguồn lực chính của kinh tế Kyoto. Du khách đến thăm quan cảnh đẹp và di sản văn hóa của Kyoto. Tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là hàng thủ công mỹ nghệ. Thành phố Kyoto là trung tâm sản xuất áo kimono. Công nghiệp nặng chủ yếu là sản xuất hàng điện tử, đây là nơi đóng trụ sở của các hãng Nintendo, OMRON, Kyocera, và Murata Machinery. Hãng Wacoal lớn cũng hoạt động ở đây. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của ngành công nghệ cao cũng không theo kịp nhịp suy giảm của công nghiệp truyền thống. Sản lượng

công nghiệp của Kyoto đã giảm sút khá nhiều và giảm sút so với các thành phố Nhật Bản (theo: 2).

Năm 2009, cố đô Kyoto được tạp chí *Traveler* (Hiệp hội Địa lý Quốc gia Hoa Kỳ - National Geographic) xếp hạng thứ 4 trong danh sách 133 điểm đến của năm. Danh sách các địa danh du lịch được xếp hạng trên *Traveler* được dựa theo sự bình chọn đánh giá của cá nhân, tổ chức... Kyoto được đánh giá 79 điểm đứng đồng hạng 4, núi Phú Sĩ 74 điểm. Việt Nam có Huế đạt 64 điểm, đồng hạng 19, vịnh Hạ Long đạt 44 điểm, đồng hạng 38. 133 địa điểm được xếp hạng, chia làm 3 đẳng cấp: *best places*, *doing-well places* và *worst places*. Kyoto nằm trong đẳng cấp *best place*, Núi Phú Sĩ và Huế, Hạ Long của Việt Nam đứng trong hàng *doing-well places*... (xem thêm: 3)

Khi giới thiệu về Kyoto trên bản đồ du lịch Nhật Bản, hình ảnh biểu trưng của Kyoto là Kinkakuji (Kim Các Tự), và sản vật là búp bê gỗ Maiko.

Vấn đề là ở chỗ, về việc quy hoạch, các chính quyền Kyoto qua nhiều thời kỳ đều khá thống nhất với nhau về cái gì cần bảo tồn nguyên trạng, cái gì chỉ cần bảo tồn những nét chính, giữ cho được những “hồn cốt” đặc thù, còn cái gì thì có thể thay thế, bảo tồn “trong bảo tàng”, hoặc buộc phải loại bỏ... Khu vực lăng tẩm, kiến trúc cố đô, chùa, đền, cùng với cảnh quan ở đó là nơi tuyệt đối bảo tồn nguyên trạng. Khu vực phía Bắc thành phố chỉ phát triển đô thị ở mức thoả mãn vừa đủ nhu cầu về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Các nhu cầu hiện đại khác về sản xuất, về công nghiệp, về giáo dục, về thương mại, kể cả nhu cầu về khách sạn cho du lịch cũng được chú ý bố trí ở phía Nam và những nơi khác của thành phố. Tỷ lệ cây xanh và mật

độ cư dân là hai tiêu chí then chốt cho việc xây dựng ở phía Bắc thành phố.

Sự chọn lọc lễ hội theo tiêu chí đề cao tính văn hóa, văn minh của mỗi lễ hội cũng là điều được chính quyền Kyoto quan tâm. Xã hội nào cũng có tình trạng ngày càng nhiều những lễ hội do được phổ biến bằng cách mở rộng phạm vi và đối tượng tham gia. Bởi vậy, việc chọn lọc, can thiệp bằng cơ chế thích hợp để chỉ duy trì một số lễ hội điển hình luôn luôn là điều cần thiết. Chính quyền có chủ trương không thương mại hoá các hoạt động thuộc lễ hội. Vấn đề này nhỏ nhưng không hề nhỏ; để thực hiện được ý tưởng này, cần có một cơ chế thích hợp và một mặt bằng dân trí tương đối cao. Du lịch là nguồn lực chính của kinh tế Kyoto, nhưng thu nhập tuyệt đối về du lịch không chủ yếu làm lợi cho các tổ chức có liên quan đến du lịch, mà thuộc về toàn thể cộng đồng cư dân thành phố. Không thể tính toán quá chi tiết về phương diện kinh tế đối với nguồn lợi này.

2. Cần phải chú ý đến nghiên cứu khoa học hoặc phát triển các trung tâm học thuật ở cố đô, đặc biệt các trung tâm học thuật có uy tín, chất lượng

- Kyoto là một trong những trung tâm học thuật của Nhật Bản, dù dân số tại chỗ chỉ có hơn 1 triệu người. Với tính cách là đối tượng của nghiên cứu khoa học, Kyoto luôn có chính sách thu hút các nhà nghiên cứu, các tổ chức nghiên cứu, tạo nên không khí học thuật đa ngành, liên ngành, và hiện đã là một trung tâm học thuật có uy tín.

- Con người - nguồn nhân lực của cố đô Kyoto không chỉ là con người sinh sống trực tiếp ở Kyoto. Người Kyoto ở toàn Nhật Bản và ở khắp thế giới, trong đó có nhiều người là chuyên gia, chính khách, hoặc doanh nhân có tên tuổi, đều có những kênh liên lạc hữu hiệu với quê hương. Sử dụng nguồn lực trí tuệ và

nguồn lực tài chính, nói rộng hơn là sử dụng vốn con người và vốn xã hội của họ, là điều được Kyoto chú ý.

Kyoto là một trong những trung tâm học thuật của Nhật Bản dù dân số tại chỗ chỉ có hơn 1 triệu người. Ở Kyoto có 37 viện nghiên cứu và trường đại học. 3 trường đại học nổi tiếng lớn nhất là Đại học Doshisha, Đại học Kyoto và Đại học Ritsumeikan. Trong số đó, Đại học Kyoto được xem là một trong những đại học hàng đầu Nhật Bản với nhiều người đoạt giải Nobel như Yukawa Hideki.

Kyoto có một mạng lưới giáo dục bậc cao, đó là Liên hiệp các trường đại học của Kyoto, bao gồm 3 trường đại học quốc gia, 5 trường thuộc tỉnh và thành phố, và 41 trường tư thục, cùng với 4 tổ chức khác của thành phố. Liên hiệp không cấp bằng mà cung cấp các khóa học từng phần của bằng cấp tại các trường thành viên.

Vấn đề là ở chỗ, Huế, tương tự như Kyoto và các cố đô khác, với lịch sử của một trung tâm văn hóa hàng trăm năm, trước hết là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học và bản thân Huế cũng có những tiềm lực đặc thù nhất định về trí tuệ, về văn hóa, mà nhất là về lối tư duy và phong cách văn hóa. Vì thế, chủ trương làm cho Huế trở thành “trung tâm đào tạo lớn của cả nước và khu vực” (4); xây dựng Đại học Huế trở thành Đại học quốc gia đa ngành, chất lượng cao, xây dựng Đại học quốc tế tại Huế, xây dựng và phát triển Đại học Mỹ thuật và Học viện Âm nhạc Huế...; nâng cấp Bệnh viện Trung ương Huế thành Trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao cho cả vùng... (5) là một chủ trương có tầm nhìn và có cơ sở. Dĩ nhiên, hiện thời những khó khăn và rào cản đang còn quá lớn (xem thêm: 6,7). Nhưng nhìn vào Kyoto, việc thực hiện chủ trương này chắc chắn là cần thiết, là đòi hỏi khó lảng tránh đối với sự phát

triển một Thành phố Cố đô. Chắc chắn là người nghiên cứu về Huế sẽ ngày càng nhiều, và sự nghiên cứu sẽ ngày càng sâu và đa dạng. Không nơi đâu thuận lợi cho Huế học phát triển hơn Huế được.

Tạo điều kiện, có chính sách hỗ trợ, có cơ chế phù hợp, khuyến khích nghiên cứu Huế học... chắc chắn là việc có tiềm năng, có sức thu hút mọi nguồn lực ở Huế và ngoài Huế. Đây là thế mạnh của Huế mà không đâu có. Dĩ nhiên, không khí học thuật cởi mở, dân chủ, đề cao sáng tạo cá nhân cũng là điều kiện không thể thiếu (về điều này chúng tôi nghĩ rằng Huế có kinh nghiệm hơn một số địa phương khác trong cả nước).

Về nhân tố con người, khó có thể phủ nhận, người Thừa Thiên Huế có mặt bằng dân trí tốt, có nét đặc sắc văn hóa rất riêng. Như nhiều ý kiến đã xác nhận, do truyền thống, nét đặc sắc này được hình thành từ sự giao lưu tiếp biến giữa văn hóa cội nguồn miền Bắc, với ảnh hưởng của văn hóa Champa, văn hóa kinh đô, hình thành nên bản sắc văn hóa độc đáo.

Văn hóa Thừa Thiên Huế định hình từ khoảng hơn 200 năm gần đây. Văn hóa Huế là văn hóa của thuần phong mỹ tục, nghệ thuật cung đình, văn hóa lễ hội, văn hóa ẩm thực, và thủ công mỹ nghệ...

Hơn 100 năm Huế là cố đô. Văn hóa Huế là văn hóa của một cố đô có sự hài hòa đặc biệt với tự nhiên. Không thể tách rời văn hóa Huế với sông Hương, núi Ngự, với Tam Giang, với hơn 1000 di tích, kiến trúc đặc thù, với lối sống, phong cách sống của người Huế... Nghĩa là ở đây, vấn đề phát triển bao hàm trong nó cả vấn đề môi trường, lẫn vấn đề văn hóa và vấn đề con người.

Văn hóa của người xứ Huế không xô bồ, không pha tạp mà dịu dàng, trầm

tư, kín đáo. Dân Huế ưa lối sống thị dân lịch lãm, thích làm thầy hơn làm thợ. Tiếng Huế, giọng Huế, trang phục Huế, màu sắc Huế, ẩm thực Huế, kiến trúc Huế... tất cả đều có đặc trưng riêng làm nên giá trị của nguồn nhân lực vùng này.

Trong cơ cấu của văn hóa Thừa Thiên Huế, văn hóa cách mạng cũng có bề dày lịch sử đáng kể, cũng khoảng gần 100 năm. Nghĩa là, văn hóa cách mạng có đủ những nhân tố để làm thành một sức mạnh, một thói quen, một phong tục, một lối sống và nếp sống.

Trên thực tế, Thừa Thiên Huế hội nhập quốc tế về văn hóa sớm hơn so với cả nước về hội nhập kinh tế. Hội nhập quốc tế về văn hóa cho phép thực hiện một xu hướng: càng giữ mình, càng bảo tồn được những nét đặc thù và độc đáo, văn hóa càng có cơ hội hội nhập sâu hơn trong toàn cầu hóa.

Tuy nhiên trong tâm lý Huế, người được coi là thành đạt lại ít khi thành đạt chỉ từ xứ Huế. Phải ra khỏi Huế, các trung tâm kinh tế xã hội khác mới là không gian xã hội có đủ điều kiện để giúp cho cá nhân thành đạt. Tâm lý này cần phải được tính đến trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực bậc cao.

Hiện nay việc thu hút nguồn lực trí tuệ gốc Huế, những người Huế sống ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và nước ngoài vẫn đang diễn ra bình thường. Tuy nhiên cần có chính sách riêng cho việc này.

3. Dù chú trọng bảo tồn, nhưng cố đô vẫn phải là nơi có hệ thống giao thông hiện đại

- *Không thể nâng cao giá trị cố đô, nếu giao thông bất tiện, lạc hậu. Dù bảo tồn thế nào cũng phải xây dựng để cố đô là thành phố có cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội hiện đại.*

- *Cố đô, đô thị cổ nào cũng nên chú trọng việc đi xe đạp và đi bộ. Nếu có thể nên xây dựng một kiểu văn hóa đi xe đạp và đi bộ riêng của mỗi đô thị cổ.*

Hệ thống tàu điện ngầm và mạng lưới xe buýt thành phố của Kyoto có phạm vi rất rộng. Các tuyến đường tàu tư nhân cũng hoạt động trong phạm vi thành phố. Khách du lịch cũng thường xuyên tham gia giao thông trên các tuyến xe buýt công cộng, xe buýt du lịch hoặc đi taxi. Xe buýt vận hành trên tất cả các tuyến đường trong thành phố, đặc biệt tại các nơi không có tàu điện. Xe buýt ở Kyoto có thông báo bằng tiếng Anh đi kèm với bảng điện tử báo hiệu điểm dừng tại các bến đỗ có ghi tên dùng ký tự La tinh.

Nhà ga Kyoto là đầu mối giao thông của thành phố. Là nhà ga lớn thứ nhì của Nhật, cao 15 tầng, nó bao gồm một trung tâm mua sắm lớn, khách sạn, rạp chiếu phim và siêu thị Isetan. Tuyến đường tàu cao tốc Tokaido Shinkansen cũng như tất cả các tuyến đường tàu địa phương đều được kết nối tại đây.

Hầu hết các xe buýt trong thành phố đều có mức giá cố định: 220 Yên/người lớn và 110 Yên/trẻ em 6-12 tuổi. Bên cạnh đó còn có vé đi không giới hạn 1 ngày trong thành phố (500 Yên/người lớn và 250 Yên/trẻ em) hay vé kết hợp giữa tàu và xe buýt (1200 Yên/người lớn và 600 Yên/trẻ em). Hình thức vé này đặc biệt tiện dụng cho việc đi tham quan nhiều địa điểm khác nhau trong 1 ngày của du khách. Trung tâm thông tin xe buýt ở ngay bên ngoài nhà ga trung tâm phụ trách việc bán vé. Công ty vận tải của thành phố cũng phân phát các tờ rơi rất hữu ích, gọi là "Bus Navi". Tờ rơi này bao gồm bản đồ các tuyến đường đi của xe buýt tới hầu hết các địa điểm du lịch cùng với giá vé.

Khách du lịch có thể dễ dàng lấy tờ rơi này tại các trung tâm cung cấp thông tin cho khách hàng ở trước cửa các nhà ga chính.

Tuyến tàu điện cao tốc Tokaido Shinkansen phục vụ vận chuyển hành khách giữa Kyoto với Nagoya và Tokyo (theo một hướng) và vùng Osaka cũng như các địa điểm khác ở phía Tây (theo hướng ngược lại). Tàu Tokaido Shinkansen đi từ nhà ga trung tâm Kyoto đến nhà ga trung tâm Tokyo mất khoảng 140 phút. Một đường khác dẫn đến Kyoto là qua sân bay quốc tế Kansai. Tuyến tàu nhanh Haruka Express đưa hành khách từ sân bay tới nhà ga Kyoto trong vòng 72 phút. Ngoài ra cũng có các tuyến tàu khác như JR, Keihan, Hankyu hay Kintetsu và các tuyến khác dẫn đến Kyoto cũng như các thành phố lân cận trong vùng Kansai.

Ngoài ra, xe đạp cũng là một phương tiện đi lại phổ biến trong thành phố, thậm chí nó còn như một văn hóa đi xe đạp của cố đô Kyoto. Địa hình và phạm vi của thành phố cũng phù hợp cho việc đi lại bằng xe đạp.

4. Với Nara, cố đô đầu tiên của Nhật Bản (được xây dựng từ năm 710 đến năm 793) thì việc bảo tồn được đề cao tới mức tuyệt đối giữ nét cổ nguyên sơ

- *Thành phố Nara không xây dựng khách sạn.*

- *Nara cũng không có các nhà máy hiện đại, không có xe cộ ồn ào, không khuyến khích quần chúng đông đảo ngoại trừ các khách du lịch, không ở lại qua đêm.*

- *Nara cũng rất ít nhà hát, tiệm ăn, hàng quán hoặc hộp đêm.*

- *Nara quy hoạch một công viên nhằm bao chứa hầu hết những thắng*

cảnh của Nara vào công viên. Đây là một kiểu quy hoạch đặc biệt có ý nghĩa.

- *Cố đô cổ nên kết nghĩa với những cố đô cổ khác trên thế giới để giao lưu văn hóa và học hỏi được kinh nghiệm quý về bảo tồn truyền thống. (Nara kết nghĩa với Gyeongju, Hàn Quốc; Tràng An, Trung Quốc; Toledo, Tây Ban Nha; Versailles, Pháp; Canberra, Australia).*

Nara (奈良市, Nara-shi), là thủ phủ của tỉnh Nara, thuộc vùng Kansai, gần Kyoto. Các nhà nghiên cứu lịch sử và ngữ văn cho rằng tên gọi của thành phố bắt nguồn từ tiếng Nhật “nadaraka” (なだらか), vốn có nghĩa là một vùng đất bằng phẳng. Theo thống kê năm 2003, thành phố Nara có dân số là 364.869 người với mật độ 1.724 người trên 1 km². Diện tích thành phố là 211,6 km² (8).

Nara được xây dựng từ năm 710 đến năm 793. Năm 974, để tránh cho cố đô thoát được nhiều biến cải phức tạp và ảnh hưởng quá nặng bởi Phật giáo, kinh đô chuyển từ Nara sang Kyoto. Từ bấy đến nay, Nhật Bản chủ trương cố giữ Nara với những vẻ đẹp ban đầu.

Công viên Nara (Nara Koen) rộng trên 30 héc-ta, được xây dựng vào năm 1880. Quy hoạch của công viên nhằm bao chứa hầu hết những thắng cảnh của Nara như Chùa Todaiji, Đền Kasuga Taisha, Chùa Kofukuji và Bảo tàng Quốc gia Nara.

Bảo tàng Quốc gia Nara, một bảo tàng tập trung nhiều sưu tập về nghệ thuật Phật giáo. Ngoài vườn, là nơi ở của hàng nghìn con hươu hoang tự do lang thang. Theo Thần đạo Shinto, hươu được xem là sứ giả của các thần linh, do đó những con hươu ở Nara đã trở thành biểu tượng của thành phố và thậm chí được đăng kí để thành Tài sản Quốc gia. Ở đây có khoảng 1.000 con nai tạo nên một vẻ đẹp truyền thống cho Nara.

Nara có chùa Kofuku-ji (Hưng Phúc tự) với ngôi tháp năm tầng. Chùa Todaiji (Đông Đại tự) là ngôi chùa bằng gỗ lớn nhất thế giới hoàn thành vào năm 751: rộng 50 mét, dài 57 mét và cao 48 mét. Chùa đã bị huỷ hoại nhiều do chiến tranh năm 1180 và 1567. Ngôi chùa hiện nay, nhỏ hơn, được xây lại vào năm 1692, trong chùa có pho tượng Đại Phật lớn nhất thế giới được dát bằng 400 kg vàng cao 14,98m, mặt dài 5,33m, mắt 1,02m, mũi cao 0,5m, tai dài 2,54m, nặng 550 tấn đúc từ năm 743 đến năm 752 mới hoàn thành. Nara còn có đền Kasuga với khoảng 2.000 chiếc đèn bằng đá ở lối ra vào, 1.000 chiếc đèn bằng đồng ở hàng hiên trong đền (8).

Các thành phố kết nghĩa với Nara trên thế giới gồm Gyeongju – kinh đô cổ của vương quốc Silla thuộc miền Nam Hàn Quốc, Trường An - kinh đô cổ của nhà Đường tại Trung Quốc, Toledo – thủ đô của Tây Ban Nha thời Trung cổ, Versailles – cung điện nổi tiếng của Pháp và Canberra – thủ đô nước Australia.

Tuy chỉ giữ vai trò kinh đô của Nhật Bản trong một thời gian ngắn (từ 710 tới 784), và mãi tới năm 1887 (năm Minh Trị thứ 20), thị trấn Nara mới được tái lập, nhưng Nara vẫn có được tới 8 công trình được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới, trong đó nổi tiếng nhất là chùa Todaiji, chùa Kofukuji và đền Kasuga-Taisha. Hai năm sau khi tái lập, dân số Nara cũng vẫn không đủ để trở thành một thành phố. 11 năm sau, vào năm 1898 (năm Minh Trị 31), thể chế thành phố mới chính thức được chấp thuận. Lúc đó, xe lửa Osaka - Kyoto, các công ty và ngân hàng mới được xây dựng, công viên Nara mới được sửa sang, và bước vào thời kỳ phát triển vững bền.

Với Huế, bài toán giữa bảo tồn và phát triển đặt ra cũng nghiêm ngặt tương tự như với Nara. Văn hóa Thừa Thiên Huế trước hết là văn hóa truyền thống, thể hiện đậm đặc phong cách, đặc trưng của con người Huế. Do vậy, cái cần phải giữ gìn, bảo tồn... trong nhiều trường hợp, quan trọng hơn cái cần phải xây dựng, phát triển theo hướng hiện đại. Những di tích văn hóa vật thể và phi vật thể phần nhiều đòi hỏi bảo tồn nguyên trạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <http://whc.unesco.org/en/list/688>.
2. <http://www.city.kyoto.jp/koho/en/index.html>
3. <http://traveler.nationalgeographic.com/2009/11/destination-rated/asia-text/5>
4. Ban chấp hành Trung ương. Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và Đô thị Huế đến 2020.
5. *Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020* số 86 ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ.
6. Nguyễn Ngọc Trân. Một số vấn đề của giáo dục đại học ở Huế - Đà Nẵng. báo Đất Việt ngày 22/03/2010. http://www.baodatviet.vn/Home/c_hinhtrixahoi/Mot-so-van-de-cua-GDDH-o-Hue--Da-Nang/20103/85220.datviet.
7. La Đình Mão. Thực trạng và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở tỉnh Thừa Thiên Huế. <http://snv.hue.gov.vn/portal/?GiaoDien=1&ChucNang=189&newsid=20100304165813&t=5>.
8. http://www.city.nara.nara.jp/b_hp/english/index.htm